

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo;
Ông Huỳnh Sơn Tây.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị P, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Xuân N, tổ 7 khu phố 4, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Xuân N, tổ 7 khu phố 4, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2025 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 02/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn bà P, ông C

sinh sống và làm việc tại Bình Dương. Thời gian đầu kết hôn thì vẫn hạnh phúc nhưng từ năm 2017, hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Ông C là lái xe nên có quan hệ với người phụ nữ khác, vô trách nhiệm với vợ con. Hai vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 14/5/2014. Đối với cháu T thì đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông C có nghĩa vụ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Khánh L đến lúc con chung trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thành phố T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đình C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 02/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà P yêu cầu ly hôn với ông C do vợ chồng mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm. Ông C làm nghề tài xế nên có quan hệ với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm với vợ con. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 14/5/2014. Đối với cháu T thì đã trên 18 tuổi nên bà P không đề nghị giải quyết, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy, bà P có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và cháu L cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho bà P nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Nguyễn Đình C.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 14/5/2014 cho bà Lê Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Đình C đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004955 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- UBND xã M, huyện Ha, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương